

QUI ĐỊNH

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

*(Ban hành kèm theo quyết định số /2008/QĐ-ĐHQG-HCM
ngày / /2008 của Giám đốc ĐHQG-HCM)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ theo học chế tín chỉ quy định những nội dung để các trường, viện thành viên và các khoa trực thuộc ĐHQG-HCM (sau đây gọi tắt là cơ sở đào tạo) tiến hành chuyển đổi, sửa đổi chương trình đào tạo thạc sĩ hiện hành hoặc xây dựng chương trình đào tạo mới theo học chế tín chỉ trong thời gian ĐHQG-HCM tiến hành xây dựng quy chế đào tạo áp dụng cho học chế tín chỉ.
2. Chương trình đào tạo thạc sĩ theo học chế tín chỉ được áp dụng thống nhất trong toàn ĐHQG-HCM kể từ khóa tuyển sinh sau đại học năm 2009.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ

Đào tạo trình độ thạc sĩ giúp học viên nắm vững kiến thức lý thuyết; có trình độ cao về thực hành nghề nghiệp hoặc có khả năng nghiên cứu, làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.

Điều 3. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo thạc sĩ

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ (sau đây gọi tắt là chương trình đào tạo - CTĐT) được xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học do Bộ Giáo dục & Đào tạo (Bộ GD&ĐT) quy định chung đối với các cơ sở giáo dục đại học và các tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu của ĐHQG-HCM.
2. Chương trình đào tạo thể hiện mục tiêu giáo dục sau đại học, mục tiêu đào tạo chuyên ngành, quy chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo.
3. Mỗi CTĐT gắn với một chuyên ngành theo danh mục chuyên ngành đào tạo thạc sĩ do Bộ GD&ĐT quy định và một phương thức đào tạo quy định tại Điều 4 của văn bản Quy định này.

Điều 4. Hình thức và phương thức đào tạo

Nhằm đáp ứng nhu cầu người học, nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội, các cơ sở đào tạo cần đa dạng hóa phương thức và hình thức đào tạo. Phương thức và hình thức đào tạo được quy định như sau:

1. Có ba phương thức đào tạo:

- a. **Phương thức môn học:** CTĐT chỉ bao gồm các môn học, không yêu cầu luận văn thạc sĩ nhưng yêu cầu hầu hết các môn học phải có tiểu luận để học viên nghiên cứu sâu trong phạm vi môn học. Phương thức đào tạo này phù hợp với các chuyên ngành, đối tượng học viên cần trang bị kiến thức nâng cao một cách hệ thống.
- b. **Phương thức kết hợp:** kết hợp giảng dạy môn học đồng thời yêu cầu học viên thực hiện luận văn thạc sĩ trong một học kỳ cuối cùng của khóa đào tạo.
- c. **Phương thức nghiên cứu:** chương trình đào tạo chỉ yêu cầu một số môn học bắt buộc, trong đó có môn Phương pháp nghiên cứu khoa học (NCKH), phần lớn thời gian của CTĐT dành cho học viên NCKH hoặc thực nghiệm khoa học. Phương thức đào tạo này quy định học viên thực hiện luận văn thạc sĩ nghiên cứu sâu một vấn đề khoa học hoặc thực nghiệm khoa học kèm báo cáo khoa học (BCKH) về kết quả luận văn thạc sĩ.

2. Có hai hình thức đào tạo:

- a. **Hình thức toàn thời gian:** quy định học viên học tập liên tục tại cơ sở đào tạo từ ngày nhập học cho đến khi hoàn thành khóa đào tạo và tổ chức giảng dạy chủ yếu trong giờ làm việc.
- b. **Hình thức bán thời gian:** quy định học viên học tập trung ở cơ sở đào tạo theo từng đợt cho đến khi hoàn thành khóa đào tạo; hoặc tổ chức giảng dạy chủ yếu ngoài giờ làm việc. Hình thức đào tạo này không áp dụng cho phương thức đào tạo nghiên cứu.

Khối lượng kiến thức, nội dung chương trình và yêu cầu chất lượng đào tạo của hai hình thức đào tạo toàn thời gian và bán thời gian là như nhau.

Điều 5. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Chương trình đào tạo được thực hiện theo khóa đào tạo, năm học và học kỳ.

- a. Khóa đào tạo là thời gian thiết kế để học viên hoàn thành một CTĐT theo hình thức toàn thời gian. Tùy theo phương thức đào tạo, khóa đào tạo được quy định đối với phương thức môn học và phương thức kết hợp là 1 – 2 năm; phương thức nghiên cứu là 1,5 - 2 năm.
- b. Một năm học có hai học kỳ, mỗi học kỳ có ít nhất 15 tuần thực học.

2. Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT không được vượt quá 2 lần khóa đào tạo liên quan.
3. Căn cứ khối lượng CTĐT, phương thức và hình thức đào tạo, cơ sở đào tạo phân bổ các học phần cho từng năm học, từng học kỳ phù hợp với khóa đào tạo liên quan.

Điều 6. Tín chỉ

1. Tín chỉ (TC) là đơn vị quy chuẩn thời lượng học tập của học viên dưới mọi hình thức bao gồm cả tự học để đạt được kết quả học tập theo quy định của chương trình đào tạo liên quan.
2. Thông dụng, có hai phương pháp tính khối lượng tín chỉ: tính thời lượng học tập của học viên dưới mọi hình thức, hoặc tính thời lượng học tập của học viên dưới sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giảng viên, trợ giảng hoặc cán bộ hướng dẫn (gọi tắt là giảng viên). ĐHQG-HCM quy định áp dụng phương pháp tính khối lượng tín chỉ theo thời lượng học tập của học viên dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên.
3. Đối với CTĐT trình độ thạc sĩ, một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận; 45 giờ thực tập; 60 giờ làm bài tập, tiểu luận, đồ án, luận văn thạc sĩ.
4. Đối với những học phần lý thuyết, thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận, để tiếp thu được một tín chỉ, học viên cần ít nhất 30 giờ tự học. Thời lượng tự học này không tính vào khối lượng tín chỉ nhưng được xem xét để xác định khối lượng CTĐT.

Điều 7. Cấu trúc và khối lượng chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được cấu trúc từ các học phần thuộc các khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ. Khối kiến thức chung bao gồm Anh văn, Triết học được quy định không tính trong khối lượng CTĐT. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành bao gồm môn học bắt buộc và tự chọn.
2. Khối lượng CTĐT được quy định cho tất cả các phương thức đào tạo từ 36 – 48 TC.
3. Tùy theo phương thức đào tạo, cấu trúc và khối lượng các học phần liên quan được quy định như sau:
 - a. **Phương thức môn học:**
 - Kiến thức chung: Anh văn, Triết học
 - Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 100% khối lượng CTĐT
 - b. **Phương thức kết hợp:**
 - Kiến thức chung: Anh văn, Triết học
 - Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: (65 – 75) % khối lượng CTĐT
 - Luận văn thạc sĩ: (25 – 35) % khối lượng CTĐT

c. Phương thức nghiên cứu:

- Kiến thức chung: Anh văn, Triết học
- Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: (25 – 50) % khối lượng CTĐT
- Luận văn thạc sĩ: (50 - 75) % khối lượng CTĐT, không ít hơn 24 TC và kèm BCKH.

Điều 8. Khối lượng và cấu trúc môn học

Ngoại trừ luận văn thạc sĩ, các học phần được tổ chức theo môn học. Để đảm bảo thời gian tổ chức giảng dạy và đánh giá môn học trong một học kỳ, đảm bảo khối lượng thực hành, nghiên cứu trong mỗi môn học và tạo điều kiện liên thông nội dung CTĐT, khối lượng và cấu trúc môn học được quy định như sau:

1. Khối lượng môn học được quy chuẩn 2 TC, 3 TC hoặc 4 TC.
2. Nội dung môn học bao gồm ít nhất 30% khối lượng thực hành. Hình thức thực hành có thể là tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận; giờ thực tập, làm tiểu luận, làm bài tập lớn. Nội dung chi tiết, khối lượng các thành phần môn học được thể hiện trong đề cương môn học liên quan.

Điều 9. Đề cương môn học

Đề cương môn học là cơ sở để cơ sở đào tạo tổ chức giảng dạy, để học viên tổ chức việc học tập. Đề cương môn học được lập theo biểu mẫu quy định đính kèm theo văn bản Quy định này.

Điều 10. Môn Anh văn; môn Triết học; các môn cơ sở, chuyên ngành bắt buộc

Để tăng cường liên thông chương trình đào tạo; đảm bảo tính hệ thống về đào tạo chuyên môn đối với chuyên ngành có nhiều phương thức đào tạo hoặc được tổ chức đào tạo đồng thời ở nhiều cơ sở đào tạo; môn Anh văn, môn Triết học, các môn cơ sở và chuyên ngành bắt buộc được quy định sử dụng chung đề cương môn học như sau:

1. Môn Anh văn và môn Triết học được quy định sử dụng chung đề cương môn học trong toàn ĐHQG-HCM. Đề cương môn Anh văn do hội đồng chuyên môn cấp ĐHQG-HCM quyết định. Đề cương môn Triết học được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT.
2. Các môn cơ sở và chuyên ngành bắt buộc của chuyên ngành được tổ chức đào tạo đồng thời ở nhiều cơ sở đào tạo của ĐHQG-HCM được quy định sử dụng chung đề cương môn học. Đề cương các môn học này do hội đồng chuyên môn cấp ĐHQG-HCM quyết định.
3. Các môn cơ sở, chuyên ngành bắt buộc của chuyên ngành được tổ chức đào tạo với nhiều phương thức được quy định sử dụng chung đề cương môn học. Đề cương các môn học này do cơ sở đào tạo liên quan quyết định.
4. Học viên được quyền chọn môn Anh văn, Triết học, các môn cơ sở và chuyên ngành bắt buộc chung quy định ở khoản 2 điều khoản này, ở cơ sở đào tạo bất kỳ của ĐHQG-HCM.

Điều 11. Danh mục môn học tự chọn

Để phát huy thế mạnh chuyên môn của các cơ sở đào tạo, đồng thời tạo điều kiện cho học viên lựa chọn các môn học đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu; việc xây dựng và sử dụng chung danh mục các môn học tự chọn được quy định như sau:

1. Chuyên ngành với nhiều phương thức đào tạo yêu cầu sử dụng chung danh mục các môn học tự chọn.
2. Đối với chuyên ngành được tổ chức đào tạo đồng thời ở nhiều cơ sở đào tạo của ĐHQG-HCM, danh mục môn học tự chọn không yêu cầu thiết kế chung, nhưng cho phép học viên sử dụng chung danh mục môn học tự chọn ở các cơ sở đào tạo khác nhau.
3. Tổng số tín chỉ danh mục môn học tự chọn của CTĐT phải bằng ít nhất 150% tổng số tín chỉ tự chọn quy định đối với phương thức đào tạo liên quan.

Điều 12. Môn học tự chọn tự do

Ngoài việc sử dụng chung danh mục các môn học tự chọn trong cùng chuyên ngành đào tạo như quy định ở Điều 11, học viên được quyền chọn tự do một số môn học tự chọn từ CTĐT thạc sĩ chuyên ngành bất kỳ do các cơ sở đào tạo của ĐHQG-HCM quản lý đào tạo. Tổng số tín chỉ tự chọn tự do được công nhận tối đa là 6 TC.

Điều 13. Môn Phương pháp NCKH

1. Môn Phương pháp NCKH được quy định bắt buộc đối với CTĐT theo phương thức kết hợp hoặc phương thức nghiên cứu với mục đích trang bị cho học viên kiến thức về phương pháp luận NCKH hoặc phương pháp NCKH trong chuyên ngành đào tạo (gọi tắt là phương pháp NCKH) để thực hiện luận văn thạc sĩ.
2. Môn Phương pháp NCKH được quy định thiết kế với khối lượng thống nhất là 4 TC bao gồm 2 học phần: phương pháp NCKH (2 TC), đề cương luận văn thạc sĩ (2 TC).
3. Học phần phương pháp NCKH của chuyên ngành được tổ chức đào tạo với nhiều phương thức hoặc được tổ chức đào tạo đồng thời ở nhiều cơ sở đào tạo của ĐHQG-HCM được quy định sử dụng chung đề cương môn học. Học viên được phép đăng ký học phần này ở cơ sở đào tạo bất kỳ của ĐHQG-HCM.

Điều 14. Quy định báo cáo khoa học đối với luận văn thạc sĩ đào tạo theo phương thức nghiên cứu

1. Báo cáo khoa học của luận văn thạc sĩ đào tạo theo phương thức nghiên cứu được quy định là bài báo được đăng toàn văn trên tạp chí hoặc kỷ yếu hội nghị khoa học, hoặc bản thảo báo cáo toàn văn và giấy chấp nhận đăng báo cáo toàn văn của ban biên tập tạp chí hoặc kỷ yếu hội nghị liên quan.
2. Danh mục tạp chí, kỷ yếu hội nghị khoa học được thực hiện theo quy định của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước.

